

**CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN
MACSTAR
MACSTAR GROUP
CORPORATION**

Số: 24/CV-MAC
No: 24/CV-MAC

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Hải phòng, ngày 23 tháng 10 năm 2026
Haiphong, October 23, 2026

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

To: Hanoi Stock Exchange

1. Tên tổ chức/Name of organization: Công ty Cổ phần tập đoàn Macstar/ Macstar Group Corporation
2. Mã chứng khoán/ Stock code: MAC
3. Địa chỉ/Address: Số 8A đường Vạn Mỹ, Phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam/ No.8A Van My street, Ngo Quyen ward, Hai Phong City, Viet Nam.
4. Điện thoại liên hệ/Tel.: 0225.3766561
5. Website: <http://macstar.com.vn>
6. Người thực hiện Công bố thông tin/ Person responsible for disclosing information: *Trịnh Thị Thu Trang/ Mrs. Trinh Thi Thu Trang*
7. Loại thông tin công bố/ Type of information disclosed:
24h/24 hour: ☐ định kỳ / periodic ☒
bất thường/abnormal ☐ theo yêu cầu/upon request: ☐
8. Nội dung của thông tin công bố/ Content of the published information:
 - Báo cáo tài chính quý 3/2026/ Financial report for Q3/2026
 - Bản giải trình số liệu quý 3/2026/ Quarterly Data Explanation for Q3/2026
9. Thông tin này được công bố đồng thời trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 23/10/2026 tại đường dẫn/ This information was published simultaneously on the Company's website on October 23, 2026, at the following link:
<https://macstar.com.vn/quan-he-co-dong/bao-cai-tai-chinh>
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố/ We hereby declare that the information published above is true and accurate, and we assume full legal responsibility for its content.

Người được ủy quyền CBTT
Person authorized to disclose information



Trịnh Thị Thu Trang

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Số 8A- Đường Vạn Mỹ- Ngô Quyền- Hải Phòng

-----&*&-----

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2026

HẢI PHÒNG, NĂM 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III.2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III.2026

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026

TÀI SẢN	số	mình	Đơn vị tính: VND	
			30/09/2026	01/01/2026
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		818,269,831,803	886,031,203,938
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	73,611,142,267	458,978,604,625
1. Tiền	111		46,574,864,185	83,548,374,256
2. Các khoản tương đương tiền	112		27,036,278,082	375,430,230,369
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	570,302,394,521	305,371,733,587
1. Chứng khoán kinh doanh	121		136,297,814,985	306,755,942,036
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(8,838,214,985)	(1,384,208,449)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		442,842,794,521	
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	124			
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125			
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn	126			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		145,084,307,833	104,538,627,071
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	52,729,579,262	46,370,064,449
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	74,890,581,910	36,371,292,123
3. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	
4. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.4	18,600,864,621	23,209,211,899
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136		(1,136,717,960)	(1,411,941,400)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	137			
IV. Hàng tồn kho	140		7,378,262,024	5,629,549,643
1. Hàng tồn kho	141	V.5	7,414,934,390	5,666,830,815
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142	V.5	(36,672,366)	(37,281,172)
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150			
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151			
2. Cây trồng theo mùa hoặc lấy sp một lần	152			
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn	153			
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		21,893,725,158	11,512,689,012
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.6	9,925,714,366	512,714,381
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		9,950,523,913	10,492,793,660
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163		2,017,486,879	507,180,971
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	
5. Tài sản ngắn hạn khác	165		-	

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09.2026	01/01/2026
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		332,690,614,727	288,124,867,878
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	V.4	24,269,250,000	24,211,250,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Phải thu dài hạn khác	215		24,269,250,000	24,211,250,000
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi*	216			
II. Tài sản cố định	220		129,677,664,864	130,766,520,861
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	128,881,782,864	130,132,888,861
<i>Nguyên giá</i>	222		186,997,813,187	183,291,359,166
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(58,116,030,323)	(53,158,470,305)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	795,882,000	633,632,000
<i>Nguyên giá</i>	228		838,632,000	673,632,000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(42,750,000)	(40,000,000)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230			
1 Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231			-
2 Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn.	236			-
3 Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237			-
4 Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn	238			-
IV Bất động sản đầu tư	240		-	-
1. Nguyên giá	241		-	-
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250	V8	25,733,646,620	9,141,311,627
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		15,411,964,623	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		10,321,681,997	9,141,311,627
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		151,271,410,309	121,500,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	261		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262	V.2	150,371,410,309	120,600,000,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	V.2	900,000,000	900,000,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn*	264		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	265		-	-
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	266			
VII Tài sản dài hạn khác	270		1,738,642,934	2,505,785,390
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.7	1,738,642,934	2,505,785,390
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273			
4. Tài sản dài hạn khác	274			
5. Lợi thế thương mại	279			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		1,150,960,446,530	1,174,156,071,816

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2026	01/01/2026
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		190,647,953,725	249,158,811,126
I. Nợ ngắn hạn	310		136,638,953,725	211,172,811,126
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	57,168,669,432	38,991,257,235
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	11,948,221,698	37,575,950,589
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		19,363,850	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	9,259,744,589	11,382,186,836
5. Phải trả người lao động	315		3,845,508,866	7,444,189,429
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.13	6,102,429,759	1,179,260,137
7. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	319		216,000,000	216,000,000
9. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.14	2,875,470,969	1,612,058,014
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.15	41,075,688,304	109,789,145,081
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.16	4,127,856,258	2,982,763,805
13. Quỹ bình ổn giá	324		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II. Nợ dài hạn	330		54,009,000,000	37,986,000,000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	337		-	-
6. Phải trả dài hạn khác	338		-	-
7. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.15	54,009,000,000	37,986,000,000
8. Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
9. Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
10. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		-	-
11. Dự phòng phải trả dài hạn	343		-	-
14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		-	-

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2026	01/01/2026
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.17	960,312,492,805	924,997,260,690
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		483,513,340,000	439,560,690,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		483,513,340,000	439,560,690,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(1,190,354,900)	(1,200,162,900)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình*	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		22,862,255	22,862,255
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		80,402,413,007	62,295,095,137
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ tr	420a		63,139,277,190	9,054,005,670
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		17,263,135,817	53,241,089,467
11 Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		397,564,232,443	424,318,776,198
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,150,960,446,530	1,174,156,071,816

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thúy Nga



Nguyễn Thị Thúy Nga

Lập, ngày 20 tháng 10 năm 2026

Tổng Giám đốc



Cáp Trọng Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

QUÝ 3.2026

CHỈ TIÊU	Mã số TM	Quý 3.2026	Quý 3/2025	Lũy kế đến 30/09/2026	Lũy kế đến 30/09/2025
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	126,682,172,656	71,953,115,013	359,804,661,264	168,000,495,117
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	126,682,172,656	71,953,115,013	359,804,661,264	168,000,495,117
4. Giá vốn hàng bán	11	98,542,373,508	66,359,478,012	294,734,990,703	150,767,788,915
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	28,139,799,148	5,593,637,001	65,069,670,561	17,232,706,202
6. Lãi lỗ của hoạt động bán, thanh lý BĐS đầu tư	21	-	-	-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	3,343,871,241	45,891,821,249	39,316,346,579	79,148,329,879
8. Chi phí tài chính	23	6,001,643,951	7,840,265,344	17,919,704,965	12,069,740,888
- Trong đó : Chi phí lãi vay	24	3,045,314,725	3,333,323,135	9,928,884,502	4,428,936,673
9. Chi phí bán hàng	25	16,342,130,981	607,102,223	30,531,630,128	664,202,088
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	8,219,089,542	8,505,376,189	20,969,562,515	19,200,246,596
11. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết		9,857,938,128	-	29,771,410,309	-
12. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	10,778,744,043	34,532,714,494	64,736,529,841	64,446,846,509
13. Thu nhập khác	31	11,200,020,003	3,288,881	18,748,584,261	15,141,526
14. Chi phí khác	32	62,787,231	520,237,551	647,652,459	603,495,798
15. Lợi nhuận khác	40	11,137,232,772	(516,948,670)	18,100,931,802	(588,354,272)
16. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	21,915,976,815	34,015,765,824	82,837,461,643	63,858,492,237
17. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	2,215,666,606	6,599,818,259	8,831,151,263	12,418,857,236
18. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-	-	-
19. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	19,700,310,209	27,415,947,565	74,006,310,380	51,439,635,001
20. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	17,263,135,817	21,935,963,857	63,769,984,823	42,060,536,473
21. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	2,437,174,392	5,479,983,708	10,236,325,555	9,379,098,528
22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	357	966	1,219 PHÂN	1,852
23. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	357	966	1,219 PHÂN	1,852

Người lập biểu

Kế toán trưởng
KẾ TOÁN TRƯỞNG

Tổng giám đốc

MACSTAR ĐOÀN

THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Nguyễn Thị Thùy Nga

Cap Truong Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3.2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		82,837,461,643	63,858,492,237
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu	02	V.8	14,484,888,140	9,302,640,336
- Các khoản dự phòng	03	VI.2, VI.4	7,178,174,290	1,018,167,472
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	VI.3, VI.6	(42,786,805,827)	(5,747,507,877)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	9,928,884,502	4,428,936,673
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		71,642,602,748	72,860,728,841
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(38,251,774,164)	10,323,240,004
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1,748,103,575	(1,171,601,658)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(25,408,693,283)	(33,144,260,155)
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		8,645,857,529	(1,378,290,849)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		170,458,127,051	(352,501,314,130)
- Chi phí đi vay đã trả	14		(8,688,102,680)	(2,160,388,777)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.12	(10,679,548,749)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.15	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh a	20		169,466,572,027	(307,171,886,724)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(30,318,244,367)	(102,163,589,047)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		1,963,636,363	167,429,091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(442,842,794,521)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	105,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2	(135,000,000,000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	300,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27		8,113,324,917	5,877,878,549
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tu	30		(598,084,077,608)	9,181,718,593

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		95,000,000,000	102,000,000,000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		75,214,541,531	175,745,363,195
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(126,964,498,308)	(4,650,000,000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		43,250,043,223	273,095,363,195
Lưu chuyển tiền thuần trong quý	50		(385,367,462,358)	(24,894,804,936)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	458,978,604,625	41,201,213,966
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61			
Tiền và tương đương tiền cuối quý	70	V.1	73,611,142,267	16,306,409,030

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thúy Nga

Kế toán trưởng



N. Thị Thúy Nga

Lập, ngày 02 tháng 10 năm 2026



Cáp Trọng Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III.2026

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2026 đến ngày 30 tháng 09 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III.2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Macstar (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Dịch vụ chính của Công ty bao gồm: sửa chữa, cơ khí và dịch vụ khai thác bãi.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Nhóm công ty

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 5 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con. Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ thời điểm Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát.

5a. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối quý	Số đầu quý	Số cuối quý	Số đầu quý
1.Công ty Cổ phần Macstar Hồ Chí Minh	97/48 Đường số 8, khu phố 61, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Kinh doanh kho bãi và lưu giữ hàng hóa	56%	56%	56%	56%
2.Công ty Cổ phần Vận tải Container ven biển Macstar*	Lô đất KB2.11 Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Vận chuyển container ven biển bằng sà lan thủy nội địa	50,56%	67,41%	50,56%	67,41%
3.Công ty Cổ phần Bất động sản Macland	Lô đất KB2.11 Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng, đi thuê hoặc khác	51%	51%	100%	100%
4.Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Macstar Thanh Hóa**	Số nhà 06/403 Hàm Nghi, phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	27,27%	-	100%	-
5.Công ty Cổ phần Cảng và Trung tâm Logistic Macstar Bắc Hải Phòng***	Lô đất KB2.11 Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	51%	-	100%	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III.2026

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2026 đến ngày 30 tháng 09 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

* Theo Nghị quyết HĐQT số 07/2026/NQ-HĐQT/MAC ngày 03/08/2026, HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn Macstar đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Vận tải container ven biển MacStar (“MacStar Lines”) từ 135 tỷ đồng lên 180 tỷ đồng.

Theo phương án tăng vốn, Công ty TNHH Đầu tư TVT tham gia góp thêm 45 tỷ đồng, tương ứng 4,5 triệu cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Thời gian thực hiện dự kiến trong tháng 8/2026.

Công ty TNHH Đầu tư TVT có địa chỉ tại số nhà 98, phố Hàng Nồi, phường Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam. Người đại diện theo pháp luật là ông Trần Tiến Dũng – Giám đốc, đồng thời là người đại diện phần vốn của TVT tại Công ty Cổ phần Vận tải container ven biển MacStar.

Ngày 24/09/2026, Công ty Cổ phần Vận tải container ven biển MacStar được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 3, ghi nhận vốn điều lệ tăng từ 135 tỷ đồng lên 180 tỷ đồng.

Sau khi hoàn tất việc tăng vốn, tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ tại MacStar Lines giảm từ 67,41% xuống còn 50,56%. Tuy nhiên, Công ty mẹ vẫn duy trì quyền kiểm soát đối với MacStar Lines; do đó, MacStar Lines tiếp tục được hợp nhất vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

** Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Macstar Thanh Hóa (tên viết tắt: MTICT) được thành lập theo Nghị quyết HĐQT số 07/2026/NQ-HĐQT/MAC ngày 03/08/2026, với vốn điều lệ đăng ký 165 tỷ đồng. Công ty mẹ đăng ký góp 45 tỷ đồng, Công ty Cổ phần Vận tải Container ven biển Macstar – công ty con của Công ty mẹ – đăng ký góp 40 tỷ đồng và Công ty cổ phần đầu tư Sao Á D.C đăng ký góp 80 tỷ đồng. Tại ngày 30/09/2026, Công ty mẹ đã thực góp 19 tỷ đồng. Công ty mẹ có quyền kiểm soát đối với MTICT thông qua quyền trực tiếp và gián tiếp đối với số quyền biểu quyết tại MTICT, đồng thời thông qua quyền chi phối việc bổ nhiệm và điều hành các vị trí quản lý chủ chốt của MTICT. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc của Công ty mẹ đồng thời giữ các chức vụ tương ứng tại MTICT. Do đó, MTICT được xác định là công ty con của Công ty mẹ kể từ thời điểm Công ty mẹ có quyền kiểm soát và được hợp nhất vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

*** Công ty Cổ phần Cảng và Trung tâm Logistic Macstar Bắc Hải Phòng (tên viết tắt: MNHP -Port) được thành lập theo Nghị quyết HĐQT số 08/2026/NQ-HĐQT/MAC ngày 15/09/2026, với vốn điều lệ đăng ký 10 tỷ đồng. Công ty mẹ đăng ký góp 5,1 tỷ đồng, Công ty Cổ phần Vận tải Container ven biển Macstar – công ty con của Công ty mẹ – đăng ký góp 3,6 tỷ đồng và Công ty cổ phần đầu tư Sao Á D.C đăng ký góp 1,3 tỷ đồng. Công ty mẹ có quyền kiểm soát đối với MNHP-Port thông qua quyền trực tiếp và gián tiếp đối với số quyền biểu quyết tại MNHP-Port, đồng thời thông qua quyền chi phối việc bổ nhiệm và điều hành các vị trí quản lý chủ chốt của MNHP-Port. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc của Công ty mẹ đồng thời giữ các chức vụ tương ứng tại MNHP-Port.

5b. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Nhóm công ty chỉ đầu tư vào một công ty liên kết là Công ty Vận tải Biển An Biên, có trụ sở chính tại Lô đất KB2.11 Khu công nghiệp MP Đình Vũ, phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Nhóm công ty tại công ty liên kết này là 36% (số đầu năm là 36%).

6. Số lượng người lao động

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026, Nhóm công ty có 189 nhân viên (Tại ngày 01 tháng 01 năm 2026: 173 nhân viên).

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III.2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này. Trong kỳ, Nhóm công ty áp dụng Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính ("Thông tư 99") thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200") về hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính ("Thông tư 43") sửa đổi, bổ sung Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 202") về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, một số khoản mục trên Báo cáo tài chính hợp nhất đã được tái phân loại và đổi tên theo quy định mới. Số liệu cột "Số đầu năm" và cột "Kỳ trước" trên Báo cáo tài chính hợp nhất đã được trình bày lại theo cách phân loại và tên gọi mới của Thông tư 99 và Thông tư 43 để đảm bảo tính so sánh được. Các thay đổi này không làm ảnh hưởng đến tổng giá trị tài sản, tổng nợ phải trả, vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế của Nhóm công ty.

8. Thông tin khác

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán "MAC" theo Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 83/GCN-SGDHN ngày 15 tháng 12 năm 2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 24 tháng 12 năm 2009. Số lượng cổ phiếu đang niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 48.351.334 cổ phiếu, với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Nhóm công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do các giao dịch chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Nhóm công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 ("Thông tư 99"), phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất được ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 202") và sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính ("Thông tư 43"), cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp mới

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 là năm đầu tiên Nhóm công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 99 thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Việc chuyển đổi sang Thông tư 99 được thực hiện theo các phương pháp sau:

- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 có hướng dẫn chuyển đổi cụ thể, Nhóm công ty thực hiện theo hướng dẫn đó.
- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 không có quy định phải điều chỉnh hồi tố hoặc hồi tố đơn giản, Nhóm công ty áp dụng phương pháp phi hồi tố.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III.2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 99, phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất được ban hành theo Thông tư 202 và sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 43, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền), theo nguyên tắc giá gốc và trên giả định hoạt động liên tục.

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất quý 3 bao gồm Báo cáo tài chính Q3 của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Nhóm công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Báo cáo tình hình tài chính giữa các công ty trong cùng Nhóm công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Nhóm công ty đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Ngân hàng Nhóm công ty thường xuyên có giao dịch). Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III.2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ). Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được trình bày theo số thuận giữa tổng số lãi và tổng số lỗ do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (tính từ ngày mua đến ngày đáo hạn), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro đáng kể trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Các khoản tiền và tương đương tiền bị hạn chế sử dụng không được trình bày tại chỉ tiêu này mà trình bày tại chỉ tiêu "Tài sản ngắn hạn khác" hoặc "Tài sản dài hạn khác" tùy theo thời hạn hạn chế sử dụng.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ với mục đích mua bán để kiếm lời từ chênh lệch giá.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Các chi phí mua chứng khoán kinh doanh (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, phí ngân hàng,... được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Trong quá trình nắm giữ, Nhóm công ty không tái phân loại chứng khoán kinh doanh thành khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và ngược lại.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Nhóm công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với các chứng khoán niêm yết hoặc giá trị hợp lý chứng khoán được xác định tin cậy: giá trị thị trường của chứng khoán tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Việc thay đổi phương pháp tính giá vốn của chứng khoán kinh doanh sẽ được xử lý như thay đổi chính sách kế toán.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Nhóm công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III.2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua (phí giao dịch, hoa hồng môi giới,...). Lãi dồn tích từ kỳ trước tính đến ngày mua được ghi giảm trừ vào giá gốc của khoản đầu tư tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc. Thu nhập lãi sau ngày mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên cơ sở dự thu.

Việc trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được thực hiện khi có bằng chứng cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có khả năng không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đối với khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Nhóm công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Nhóm công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không, trừ khi Nhóm công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Nhóm công ty thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Nhóm công ty khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Nhóm công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (chi phí giao dịch, môi giới, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng,...). Riêng trường hợp Nhóm công ty vay vốn để đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác thì chi phí lãi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính mà không được vốn hóa. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được theo dõi theo giá gốc.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Nhóm công ty tại đơn vị tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nhân (x)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III.2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

với phần chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu của đơn vị được đầu tư tại cùng thời điểm.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Nhóm công ty và người mua là đơn vị độc lập với Nhóm công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn và nguyên tệ.

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng hoặc từng dịch vụ cung cấp dở dang có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm dự phòng tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí chờ phân bổ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III.2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí chờ phân bổ phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh (bao gồm các chi phí đã trả tiền trước và các chi phí chưa trả tiền trước) có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh của các kỳ kế toán có liên quan.

Chi phí chờ phân bổ được phân loại thành ngắn hạn (thời gian phân bổ không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) và dài hạn (thời gian phân bổ trên 12 tháng hoặc dài hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) trên Báo cáo tình hình tài chính. Chi phí chờ phân bổ dài hạn không được tái phân loại thành chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khi lập Báo cáo tài chính.

Việc phân bổ chi phí chờ phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh từng kỳ được Nhóm công ty thực hiện căn cứ vào tính chất, mức độ của từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp. Thời gian và phương pháp phân bổ các khoản chi phí chờ phân bổ của Nhóm công ty như sau:

Chi phí công cụ, dụng cụ, bao bì luân chuyển, đồ dùng cho thuê

Công cụ, dụng cụ, bao bì luân chuyển và đồ dùng cho thuê đã xuất dùng hoặc cho thuê liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh trong nhiều kỳ kế toán được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính (không quá 36 tháng).

Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tài sản cố định

Đối với các tài sản cố định mà theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ phát sinh được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng kể từ kỳ tài sản được sửa chữa, bảo dưỡng hoàn thành, đưa vào sử dụng cho đến lần cần sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tiếp theo (thường là 12 tháng).

Chi phí mua bảo hiểm trả trước

Chi phí mua bảo hiểm cháy nổ, bảo hiểm trách nhiệm dân sự, bảo hiểm thân xe, bảo hiểm tài sản và các loại bảo hiểm khác đã trả trước cho nhiều kỳ kế toán được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian bảo hiểm 12 tháng).

Các chi phí chờ phân bổ khác

Các chi phí khác đã phát sinh có liên quan đến nhiều kỳ kế toán được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo tiêu thức phù hợp với đặc điểm và bản chất của từng khoản chi phí.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên tài sản cố định hữu hình được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh. Đối với các tài sản cố định mà theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ phát sinh có giá trị lớn được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tiếp theo.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III.2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 20
Máy móc và thiết bị	05 – 11
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 10
Tài sản cố định khác	10

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt, bao gồm cả chi phí đi vay được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay (“VAS 16”). Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao cho đến khi hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng. Khi hoàn thành, toàn bộ chi phí được kết chuyển sang khoản mục phù hợp tùy theo mục đích sử dụng thực tế, bao gồm tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, bất động sản đầu tư hoặc hàng tồn kho và được tính khấu hao/ hao mòn từ thời điểm đưa vào sử dụng.

Chi phí nâng cấp, cải tạo tài sản cố định đang thực hiện được tập hợp riêng và khi hoàn thành được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định tương ứng.

Các chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định phát sinh thường xuyên hàng kỳ để tài sản hoạt động bình thường được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Đối với các tài sản cố định theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí phát sinh được tập hợp riêng. Khi hoàn thành, chi phí được kết chuyển sang chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ bảo dưỡng tiếp theo.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Nhóm công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh: các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ chứng từ, hồ sơ, tài liệu kế toán; các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép; và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh khác phải trích trước (như chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ, chi phí lãi vay phải trả).
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

12. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi Nhóm Công ty không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III.2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn được ghi nhận bao gồm:

- Phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung.
- Chênh lệch giữa giá mua lại và giá bán tái phát hành cổ phiếu mua lại của chính mình.
- Phần chênh lệch giữa giá trị nợ gốc trái phiếu chuyển đổi lớn hơn mệnh giá cổ phiếu phát hành thêm khi chuyển đổi và toàn bộ giá trị quyền chọn chuyển đổi được kết chuyển vào thặng dư vốn bất kể trái chủ có thực hiện quyền chọn hay không.
- Phần chênh lệch giữa giá trị vốn góp thực nhận và giá trị vốn theo Điều lệ Công ty.

Chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu thành công được ghi giảm thặng dư vốn. Chi phí phát hành cổ phiếu không thành công được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như: lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi Nhóm công ty hoàn thành nghĩa vụ thực hiện cam kết trong hợp đồng, đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Nhóm công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Nhóm công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ hoạt động đầu tư. Đối với khoản đầu tư vào đơn vị đã đăng ký, lưu ký tập trung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, thời điểm ghi nhận là ngày đăng ký cuối cùng. Đối với khoản đầu tư vào các đơn vị khác, thời điểm ghi nhận được xác định theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của đơn vị nhận đầu tư. Chỉ phần cổ tức, lợi nhuận thuộc giai đoạn sau ngày đầu tư mới được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính, phần thuộc giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá gốc khoản đầu tư. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu không được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính và không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư, chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III.2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ khi đủ điều kiện vốn hóa theo quy định.

Nhóm công ty không phát sinh các khoản chi phí đi vay đủ điều kiện vốn hóa trong kỳ.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Chi phí được ghi nhận ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn.

Khi Nhóm công ty ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng bao gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất của giao dịch và các chuẩn mực kế toán Việt Nam để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chính sách kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm công ty được thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025, Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ, các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Hàng quý, Nhóm công ty xác định và ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp theo tờ khai thuế. Cuối năm tài chính, Nhóm công ty xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp theo tờ khai quyết toán và điều chỉnh chênh lệch so với số đã tạm ghi nhận trong năm.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung.

Các bên liên quan với Nhóm công ty bao gồm:

- Các cổ đông là tổ chức có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến ảnh hưởng đáng kể đến Công ty.
- Các cá nhân có quyền biểu quyết trực tiếp hoặc gián tiếp dẫn đến ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát hoạt động của Công ty, bao gồm Ban Giám đốc, các thành viên quản lý khác và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp mà các cá nhân thuộc các nhóm trên nắm giữ tỷ lệ biểu quyết (trực tiếp hoặc gián tiếp) đủ lớn để có thể gây ảnh hưởng đáng kể đến doanh nghiệp đó, bao gồm các doanh nghiệp được sở hữu bởi thành viên quản lý chủ chốt hoặc cổ đông chính của Công ty và các doanh nghiệp có chung thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III.2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi cá nhân đó khi giao dịch với Nhóm công ty, bao gồm: bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột.

Giao dịch giữa các bên liên quan là việc chuyển giao các nguồn lực hay các nghĩa vụ giữa các bên liên quan, không xét đến việc có tính giá hay không.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Tính chất rủi ro và lợi ích kinh tế là căn cứ chủ yếu để xác định báo cáo bộ phận chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý. Nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về sản phẩm và dịch vụ thì báo cáo chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo thứ yếu theo khu vực địa lý. Ngược lại, nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về khu vực địa lý thì báo cáo chính yếu được lập theo khu vực địa lý và báo cáo thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh. Cơ cấu tổ chức, quản lý và hệ thống báo cáo tài chính nội bộ của Nhóm công ty là cơ sở chính để xác định báo cáo bộ phận chính yếu hay thứ yếu.

Một bộ phận phải báo cáo khi phần lớn doanh thu có nguồn gốc từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài và đáp ứng ít nhất một trong các ngưỡng:

- doanh thu của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng doanh thu của tất cả các bộ phận; hoặc
- kết quả kinh doanh của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận có lãi hoặc tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận bị lỗ (tùy theo giá trị tuyệt đối nào lớn hơn); hoặc
- tổng tài sản của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng tài sản của tất cả các bộ phận.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III.2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền và tương đương tiền Nhóm công ty đang nắm giữ nhưng không bị hạn chế sử dụng, bao gồm:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi không kỳ hạn	46.574.864.185	83.548.374.256
Tương đương tiền	27.036.278.082	375.430.230.369
Cộng	73.611.142.267	458.978.604.625

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Chứng khoán kinh doanh

Là các cổ phiếu niêm yết và UPCOM.

	30/09/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	94.084.600.000		306.738.178.906	(1.384.208.449)
Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải			17.763.130	-
Ngân hàng TMCP Lọc Phát	42.213.214.985	(8.838.214.985)	-	-
Cộng	136.297.814.985	(8.838.214.985)	306.755.942.036	(1.384.208.449)

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị dự phòng
Tiền gửi có kỳ hạn	442.842.794.521	-	-	-
Cộng	442.842.794.521	-	-	-

Giá trị có thể thu hồi

Đối với các khoản tiền gửi có kỳ hạn, giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá gốc.

2c. Đầu tư vào công ty liên kết

Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Nhóm công ty sở hữu 9.000.000 cổ phần chiếm 36% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên, không thay đổi so với số đầu năm.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Giá gốc	120.600.000.000	120.600.000.000
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	29.771.410.309	-
Cộng	150.371.410.309	120.600.000.000

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với công ty liên kết

Nhóm công ty không phát sinh giao dịch với công ty liên kết.

2d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III.2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị dự phòng
Công ty Cổ phần Hàng hải Nam Dương	900.000.000	-	900.000.000	-
Cộng	900.000.000	-	900.000.000	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Nhóm công ty sở hữu 9.000 cổ phần chiếm 18,77% của Công ty Cổ phần Hàng hải Nam Dương, không thay đổi so với số đầu năm.

Giá trị có thể thu hồi

Đối với các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc các khoản đầu tư có thể xác định giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy, giá trị có thể thu hồi được xác định theo giá trị thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty chưa xác định được giá trị có thể thu hồi của các khoản đầu tư không niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị có thể thu hồi.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	5.826.343.774		3.195.020.501	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C	5.826.343.774		3.195.020.501	
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	46.903.235.488 (1.136.717.960)		43.175.043.948 (1.411.941.400)	
Maersk line a/s	9.436.215.809		6.107.478.327	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lô-gis-tic Đại Cồ Việt	-		5.280.012.000	
Công ty Cổ phần Giấy HKB – Hoa Lư	2.029.635.780		5.078.806.745	
Các khách hàng khác	35.437.373.899 (1.136.717.960)		26.708.746.876 (1.411.941.400)	
Cộng	52.729.579.262 (1.136.717.960)		46.370.064.449 (1.411.941.400)	

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	64.000.000.000	36.105.548.720
Công ty Cổ phần Công nghiệp Tàu thủy Sông Đào (*)	64.000.000.000	36.105.548.720
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	10.785.581.910	265.743.403
Các nhà cung cấp khác	10.785.581.910	265.743.403
Cộng	74.890.581.910	36.371.292.123

Trong đó:

- (*) Là tiền trả trước cho Công ty Cổ phần Công nghiệp tàu thủy Sông Đào tại Công ty Cổ phần Vận tải Container Ven biển Macstar (Công ty con) để đóng mới các tàu hàng với các thông tin như sau:

Tàu hàng (180TEUs, cấp VR-SI) theo hợp đồng kinh tế số 02/2025/HĐMB/MCCL-VJTECO ngày 19/12/2025. Công ty sẽ bàn giao cho Công ty Cổ phần Chuyên giao Công nghệ Xây dựng Việt Nhật ngay sau khi công tác đóng tàu hoàn thành, dự kiến trong năm 2026. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã tạm ứng số tiền là 20.500.000.000 VND.

Ngày 02/01/2026, Đại hội đồng cổ đông của Công ty con đã thông qua phương án triển khai phương án đóng mới 6 tàu vận tải container pha sông biển (cấp VR-SB), với tổng dự toán dự kiến là

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III.2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

360.000.000.000 VND. Thực hiện nội dung của Nghị quyết trên, Công ty con đã ký Hợp đồng kinh tế số 01/2026/HĐKT/MCCL-SD ngày 19/01/2026 về việc đóng mới 1 tàu container 163 TEUs, cấp VR-SB, thời gian đóng tàu dự kiến là 6 tháng. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã tạm ứng lũy kế 9 đợt với tổng số tiền tạm ứng là 43.500.000.000 VND.

Phải thu khác

4a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Phải thu các bên liên quan	-	-	1.551.800.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C	-	-	1.551.800.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	18.600.864.621	-	21.657.411.899	-
Ban Quản lý khu Kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp tỉnh Thanh Hóa ⁽ⁱ⁾	-	-	9.300.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Motachi	2.400.000.000	-	7.350.000.000	-
Tạm ứng	804.423.815	-	586.969.649	-
Tạm tính doanh thu	3.028.706.577	-	2.456.092.969	-
Ký cược, ký quỹ	20.000.000	-	87.000.000	-
Các khoản phải thu khác	12.383.912.311	-	1.877.349.281	-
Cộng	18.600.864.621	-	23.209.211.899	-

(*) Là tiền kinh phí hỗ trợ phương tiện vận tải biển nội địa của Công ty Cổ phần Vận tải container ven biển Macstar thực hiện vận chuyển hàng hóa bằng container qua Cảng Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo Quyết định số 488/QĐ-BNS ngày 25/12/2025 của Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và Các khu công nghiệp.

4b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Motachi ⁽ⁱ⁾	19.650.000.000	-	19.650.000.000	-
Các khoản ký cược, ký quỹ ⁽ⁱⁱ⁾	4.619.250.000	-	4.561.250.000	-
Cộng	24.269.250.000	-	24.211.250.000	-

(i) Là khoản phải thu lại tiền góp vốn hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 05-15/HĐHT/MTC-MAC ngày 22/04/2015 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Motachi ("MTC") để triển khai kinh doanh khai thác bãi container và các dịch vụ khác tại lô đất 4,3 ha thuộc dự án BP-Motachi ở Đông Nam bán đảo Đình Vũ, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng (nay là phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng), Công ty đã ứng cho MTC số tiền 35.000.000.000 VND. Hai bên đã chấm dứt hoạt động hợp tác kinh doanh theo Phụ lục số 09 ngày 25/07/2022. Theo đó, các bên thống nhất điều chỉnh nội dung Hợp đồng hợp tác kinh doanh từ hình thức phân chia thu nhập từ hoạt động hợp tác kinh doanh, đầu tư căn cứ trên khả năng sử dụng vốn của các bên sang hình thức Công ty ứng vốn để đầu tư hệ thống hạ tầng bãi của MTC và được quyền kinh doanh, khai thác bãi có thời hạn. Việc thay đổi này có hiệu lực từ ngày 01/08/2022. Số tiền Công ty đã ứng vốn

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III.2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

được hai bên thống nhất bù trừ vào tiền thuê bãi đối với diện tích 3,5 ha thuộc lô đất 4,3 ha trong thời gian từ ngày 01/08/2022 đến hết ngày 31/07/2030. Thời gian bù trừ theo hai giai đoạn:

- Từ ngày 01/08/2022 đến ngày 31/07/2027: chi phí sử dụng bãi là 612.500.000 VND/tháng (chưa bao gồm thuế GTGT), trong đó số tiền được cân trừ là 550.000.000 VND/tháng;
- Từ ngày 01/08/2027 đến ngày 31/07/2030: chi phí sử dụng bãi là 682.000.000 VND/tháng (chưa bao gồm thuế GTGT), trong đó số tiền được cân trừ là 600.000.000 VND/tháng.

Tại ngày 30/09/2026, số dư tiền ứng còn được cân trừ với chi phí sử dụng bãi trong các kỳ tiếp theo là 22.050.000.000 VND.

- (ii) Bao gồm khoản đặt cọc tiền thuê mặt bằng làm bãi khai thác container rỗng với bà Trương Thị Thanh Thảo theo Hợp đồng thuê bãi, kho số 39/HĐCT –MACSTAR ngày 09/05/2023, thời hạn thuê 05 năm, số tiền 4.561.250.000 VND.

5. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường		-		
Nguyên liệu, vật liệu	6.737.024.404	(36.672.366)	4.088.213.444	(37.281.172)
Công cụ, dụng cụ	474.472.234	-	461.428.589	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	203.437.752	-	1.117.188.782	
Cộng	7.414.934.390	(36.672.366)	5.666.830.815	(37.281.172)

6. Chi phí chờ phân bổ

6a. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.410.940.971	257.299.855
Chi phí bảo hiểm	27.119.075	5.446.004
Chi phí truyền thông	8.487.654.321	
Các chi phí khác		249.968.522
Cộng	9.925.714.367	512.714.381

6b. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.466.247.059	1.334.487.214
Chi phí bảo hiểm		564.607.875
Chi phí logo		314.170.900
Các chi phí khác	272.395.875	292.519.401
Cộng	1.738.642.934	2.505.785.390

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III.2026**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****7. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định khác	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2026	43,227,630,883	11,394,427,662	128,236,919,836	92,806,638	339,574,148	183,291,359,167
Mua trong quý	-	-	13,084,095,259	-	430,351,852	13,514,447,111
Đầu tư XDCB hoàn thành	46,462,263	-	-	-	-	46,462,263
Thanh lý, nhượng bán	-	-	9,854,455,354	-	-	9,854,455,354
Số dư tại 30/09/2026	43,274,093,146	11,394,427,662	131,466,559,741	92,806,638	769,926,000	186,997,813,187
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2026	27,007,947,334	4,059,752,139	21,735,340,224	80,319,152	275,111,464	53,158,470,305
Khấu hao trong quý	3,265,864,535	1,007,994,558	10,162,371,817	4,682,808	46,724,421	14,487,638,139
Thanh lý, nhượng bán	-	-	9,530,078,122	-	-	9,530,078,122
Số dư tại 30/09/2026	30,273,811,869	5,067,746,697	22,367,633,919	85,001,960	321,835,885	58,116,030,323
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư tại 01/01/2026	16,219,683,549	7,334,675,523	106,501,579,612	12,487,486	64,462,684	130,132,888,861
Số dư tại 30/09/2026	13,000,281,277	6,326,680,965	109,098,925,822	7,804,678	448,090,115	128,881,782,864

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Giá trị sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2026	633,632,000	40,000,000	673,632,000
Mua trong năm	-	165,000,000	165,000,000
Số dư tại 30/09/2026	633,632,000	205,000,000	838,632,000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2026	-	40,000,000	40,000,000
Khấu hao trong năm	-	2,750,000	2,750,000
Số dư tại 30/09/2026	-	42,750,000	42,750,000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư tại 01/01/2026	633,632,000	-	633,632,000
Số dư tại 30/09/2026	633,632,000	162,250,000	795,882,000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III.2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ
<i>Mua sắm tài sản cố định</i>	9.935.000.000	9.935.000.000
Cần trục chân đế số 3 Liebherr đã qua sử dụng (*)	9.125.000.000	9.125.000.000
Tàu công te nơ/RC163-01 (**)	810.000.000	810.000.000
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	16.311.627	16.311.627
Công trình kho bãi Đà Nẵng	16.311.627	16.311.627
Tư vấn chủ trương đầu tư dự án		370.370.370
Dự án NOXH 8A Vạn Mỹ		15.411.964.623
Cộng	9.951.311.627	25.733.646.620

(*) Là Cần trục chân đế số 3 Liebherr đã qua sử dụng, Công ty mua đầu giá của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ để trang bị cho các cảng mà tàu của Macstar thường xuyên vào làm hàng. Do kết cấu các cảng không đảm bảo sức tải, Ban lãnh đạo Công ty quyết định tiếp tục triển khai tìm kiếm đối tác để hợp tác, lắp đặt cầu đưa vào sử dụng. Trường hợp không thể triển khai sẽ tìm kiếm đối tác để chuyển nhượng.

(**) Thực hiện nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 02/01/2026, Công ty con đã ký Hợp đồng kinh tế số 15.01.2026/HĐKT/SADC-MCCL với Công ty Cổ phần Sao Á D.C về việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng thiết kế tàu hàng khô/container/RC163-01, tổng chi phí thiết kế cho 6 tàu hàng 163 TEUs cấp VR-SB là 810.000.000 VND. Tính đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã ký hợp đồng đóng mới 1/6 tàu 163 TEUs cấp VR-SB (xem thuyết minh số V.4) dựa trên thiết kế nhận chuyển nhượng từ Công ty Cổ phần Sao Á D.C.

Công trình xây dựng dở dang, máy móc thiết bị đang lắp đặt được dùng cầm cố, thế chấp, bảo lãnh Nhóm công ty đã thế chấp, cầm cố công trình xây dựng dở dang với giá trị theo sổ sách tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 9.125.000.000 VND (số đầu năm là 9.125.000.000 VND) để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Hải Phòng.

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	39.303.513.103	16.274.674.641
Công ty Cổ phần đầu tư Sao Á D.C (i)	39.303.513.103	16.274.674.641
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	17.865.156.329	22.716.582.594
Công ty Cổ phần Kết nối Greenai (ii)	5.284.267.200	12.544.791.300
Các nhà cung cấp khác	12.580.889.129	10.171.791.294
Cộng	57.168.669.432	38.991.257.235

(i) Phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C về phí dịch vụ kho bãi, thời hạn thanh toán là 60 ngày kể từ ngày hoàn thành cung cấp dịch vụ.

10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>		844.676.043
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C - Dịch vụ nâng hạ thu hộ		844.676.043
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	932.221.698	36.731.274.546
Công ty Cổ phần Chuyển giao Công nghệ Xây dựng Việt Nhật (*)	11.016.000.000	36.720.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III.2026**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng khác		11.274.546
Cộng	11.948.221.698	37.575.950.589
(*) Là khoản trả trước của Công ty Cổ phần Chuyển giao Công nghệ Xây dựng Việt Nhật để mua tàu hàng khô (180TEUS, cấp tàu VR-SI) theo hợp đồng số 02/2025/HĐMB/MCCL-VJTECO ký ngày 19/12/2025. Công ty dự kiến bàn giao cho Công ty Cổ phần Chuyển giao Công nghệ Xây dựng Việt Nhật trong năm 2026.		

11. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

Là khoản phải trả cổ tức của các cổ đông chưa thực hiện lưu ký chứng khoán.

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn

	<u>Số đầu kỳ</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Số phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.095.849.688		1.117.315.950	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.259.652.970		7.560.215.976	2.015.831.687
Thuế thu nhập cá nhân	145.307.901	12.325.400	94.435.635	1.655.192
Tiền thuê đất		23.945.500	387.117.500	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	678.790		100.659.528	
Cộng	7.501.489.349	36.270.900	9.259.744.589	2.017.486.879

Toàn bộ nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp Nhà nước khác được thanh toán trong ngắn hạn.

Thuế giá trị gia tăng

Nhóm Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Doanh thu xuất khẩu	0%
- Doanh thu cung cấp nước ngọt	5%
- Doanh thu khác	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nhóm Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Nhóm công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Nhóm Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng như sau:

<u>Vị trí đất</u>	<u>Diện tích thuê</u>
173 Ngô Quyền, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	13.547,2 m ²
8A đường vòng Vạn Mỹ, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	7.904 m ²

Các loại thuế khác

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III.2026**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Nhóm công ty kê khai và nộp theo quy định.

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí đi vay phải trả		74.849.409
Trích trước chi phí nâng hạ		-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	6.102.429.759	1.104.410.728
Cộng	6.102.429.759	1.179.260.137

14. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	55.571.250	180.979.569
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	158.799.689	156.123.089
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	762.192.684	894.245.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.898.907.346	361.346.506
Cộng	2.875.470.969	1.592.694.164
41,075,688,304		

15. Vay**15a. Vay ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng		24.207.852.602
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Đông Hải Phòng		5.207.852.602
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đông Hải Phòng ⁽ⁱ⁾	24.658.922.015	19.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Hải Phòng ⁽ⁱⁱ⁾		-
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	4.930.167.288	80.067.292.479
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI		67.397.247.369
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	6.477.599.001	12.670.045.110
Vay dài hạn đến hạn trả các tổ chức và cá nhân khác (xem Thuyết minh số V.18b)		5.514.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Đông Hải Phòng		800.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đông Hải Phòng	5.009.000.000	4.714.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Hải Phòng		-
Cộng	41.075.688.304	109.789.145.081

- (i) Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức ngày 26/08/2025, hạn mức 40 tỷ VND, nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải, logistics. Thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể nhưng thời gian không quá 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay. Thời gian duy trì hạn mức là tối đa 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm ký hợp đồng này là 5,5%/năm; tài sản bảo đảm là Tàu biển Macstar Hải Phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III.2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (ii) Là khoản vay theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức ngày 17/03/2026, hạn mức 10 tỷ đồng, nhằm phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể nhưng thời gian không quá 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay. Thời gian duy trì hạn mức là tối đa 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm ký hợp đồng là 7,6%; khoản vay được đảm bảo bằng một số tài sản cố định thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Vận tải Container Ven biển Macstar.

15b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng ⁽ⁱ⁾	-	2.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Chi nhánh Hải Phòng ⁽ⁱⁱ⁾	53.118.000.000	35.986.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Hải Phòng ⁽ⁱⁱⁱ⁾	891.000.000	-
Cộng	<u>54.009.000.000</u>	<u>37.986.000.000</u>

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chi tiết phát sinh quỹ khen thưởng, phúc lợi của Nhóm Công ty như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	2.982.763.805	1.023.318.694
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	1.145.092.453	1.959.445.111
Số cuối kỳ	<u>4.127.856.258</u>	<u>2.982.763.805</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III.2026
Ký kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2026 đến ngày 30 tháng 09 năm 2026
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Vốn chủ sở hữu

17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu quý này	483.513.340.000	(1.190.354.900)	-	22.862.255	65.503.146.399	295.318.982.654	843.167.976.408
CĐKKS góp vốn vào công ty con						95.000.000.000	95.000.000.000
Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ lệ lợi ích tại công ty con					(4.808.075.397)	4.808.075.397	-
Lợi nhuận trong kỳ này					17.263.135.817	2.437.174.392	19.700.310.209
Số dư cuối kỳ này	483.513.340.000	(1.190.354.900)	-	22.862.255	80.402.413.007	397.564.232.443	960.312.492.805

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III.2026

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2026 đến ngày 30 tháng 09 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	48.351.334	43.956.069
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	48.351.334	43.956.069
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	48.351.334	43.956.069
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		

17c. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền của Nhóm công ty bao gồm 116.587,35 USD (Số đầu năm: 4.861,31 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Quý 3.2026	Quý 3.2025
Doanh thu bán hàng hóa (*)		
Doanh thu dịch vụ vận tải	49.625.427.499	21.569.417.668
Doanh thu dịch vụ sửa chữa, gia công cơ khí	19.553.912.866	19.381.302.546
Doanh thu dịch vụ khai thác bãi	57.186.620.225	30.632.868.385
Doanh thu dịch vụ khác	326.212.066	369.526.414
Cộng	126.682.172.656	71.953.115.013

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số VIII.4b.

2. Giá vốn hàng bán

	Quý 3.2026	Quý 3.2025
Giá vốn của hàng hóa (*)		
Giá vốn dịch vụ vận tải	49.746.067.063	27.224.397.996
Giá vốn dịch vụ sửa chữa, gia công cơ khí	12.679.788.331	11.443.517.833
Giá vốn dịch vụ khai thác bãi	35.821.661.737	27.178.229.466
Giá vốn dịch vụ khác	294.856.377	513.332.717
Cộng	98.542.373.508	66.359.478.012

(*) Trong đó, giá vốn tàu đã bán trong kỳ là 32.407.963.764 VND.

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 3.2026	Quý 3.2025
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.308.601.200	120.349.207
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	35.270.041	115.085.201
Cổ tức, lợi nhuận được chia		
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh		3.210.124

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III.2026**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<u>Quý 3.2026</u>	<u>Quý 3.2025</u>
Lãi chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh		45.653.176.717
Doanh thu tài chính khác		
Cộng	<u>3.343.871.241</u>	<u>45.891.821.249</u>
4. Chi phí tài chính		
	<u>Quý 3.2026</u>	<u>Quý 3.2025</u>
Chi phí đi vay	1.729.683.494	3.333.323.135
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh		
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		
Lỗ do bán chứng khoán kinh doanh		
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	4.160.000.000	(2.705.833.880)
Hoàn nhập dự phòng giảm		
Chi phí khác	111.960.4576	7.212.776.089
Cộng	<u>6.001.643.950</u>	<u>7.840.265.344</u>
5. Chi phí bán hàng		
	<u>Quý 3.2026</u>	<u>Quý 3.2025</u>
Chi phí dịch vụ mua ngoài		
Các chi phí khác	16.342.130.981	607.102.223
Cộng	<u>16.342.130.981</u>	<u>607.102.223</u>
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Quý 3.2026</u>	<u>Quý 3.2025</u>
Chi phí cho nhân viên	4.346.228.020	3.542.546.092
Chi phí vật liệu quản lý		26.139.211
Chi phí đồ dùng văn phòng	116.749.763	6.889.974
Chi phí khấu hao tài sản cố định	201.925.678	136.876.692
Thuế, phí và lệ phí	78.609.184	53.924.048
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	232.775.136	278.920.368
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.445.702.102	4.243.472.686
Tiền thuê đất		
Các chi phí khác	797.099.659	216.607.118
Cộng	<u>8.219.089.542</u>	<u>8.505.376.189</u>
7. Thu nhập khác		
	<u>Quý 3.2026</u>	<u>Quý 3.2025</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	100.000.000	
Thu nhập từ hỗ trợ phương tiện vận tải biển nội địa	11.100.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III.2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Quý 3.2026	Quý 3.2025
Thu nhập khác	20.003	3.288.881
Cộng	11.200.020.003	3.288.881
8. Chi phí khác	Quý 3.2026	Quý 3.2025
Phạt vi phạm hành chính, vi phạm hợp đồng		
Thuế bị phạt, bị truy thu		
Chi phí khác	62.787.231	520.237.551
Cộng	62.787.231	520.237.551
9. Lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu		
9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	Quý 3.2026	Quý 3.2025
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	17.263.135.817	21.935.963.857
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu		
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	48.351.334	22.709.408
Lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu	357	966
9b. Thông tin khác		
Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.		

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Các giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ, Nhóm công ty phát sinh các giao dịch về đầu tư và tài chính không trực tiếp sử dụng tiền hay các khoản tương đương tiền như sau:

	Quý 3.2026	Quý 3.2025
Lãi vay nhập gốc		
Bù trừ khoản góp vốn hợp tác kinh doanh với với chi phí sử dụng bãi phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Motachi (Thuyết minh V.5b)	1.650.000.000	1.650.000.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Nhóm công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt; các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III.2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Nhóm công ty không phát sinh giao dịch và không có số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Nhóm công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C	Cổ đông lớn (Sở hữu 23,32%)/Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH Đầu tư TM	Cổ đông lớn (Sở hữu 32,42%)/Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Công nghiệp Tàu thủy Sông Đào	Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT

Giao dịch với các bên liên quan khác

Nhóm công ty chỉ phát sinh các giao dịch trọng yếu với Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C như sau:

	Quý 3.2026	Quý 3.2025
Cung cấp dịch vụ cho bên liên quan	12,797,111,999	8,900,932,329
Sử dụng dịch vụ của bên liên quan	46,192,574,465	21,286,032,447

2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Nhóm công ty trong kỳ là cung cấp các dịch vụ logistic và đầu tư chứng khoán kinh doanh (các cổ phiếu niêm yết). Thông tin về doanh thu và chi phí của các hoạt động này đã được trình bày tại các Thuyết minh VI.1, VI.2, VI.3 và VI.4. Tài sản và nợ phải trả của nhóm Công ty chủ yếu thuộc lĩnh vực cung cấp dịch vụ logistic. Ngoài ra, hoạt động sản xuất kinh doanh của nhóm Công ty chỉ được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, nhóm Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày Báo cáo tài chính được phê duyệt phát hành, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Phê duyệt, ngày 23 tháng 10 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật



Nguyễn Thị Thúy Nga

Nguyễn Thị Thúy Nga

Cáp Trọng Cường